TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 264/2020/HS-ST
Ngày 31-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 247/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2020/QĐXXST-HS ngày 26/11/2020 đối với bị cáo:

Trần T, sinh năm: 1991 tại Kiên Giang; đăng ký thường trú: Khu phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; đăng ký tạm trú: Đường NH8, khu phố 7, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần V, sinh năm: 1963 và bà Cái U, sinh năm: 1964; chồng tên Nguyễn S, sinh năm: 1984 và 02 con sinh năm: 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

- *Bị hại:* Công ty M; địa chỉ trụ sở: Đường DE4, khu công nghiệp P, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phan N, sinh năm 1985; chức vụ: Giám đốc bộ phận tổng hợp; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/6/2020) – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn K, sinh năm: 1989; đăng ký thường trú: Thôn Tân Bình 2, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần T làm công nhân ở bộ phận điện cơ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M từ tháng 10/2019.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty Mo thường cho T tạm nghỉ dẫn đến thu nhập hàng giảm sút. Do không đủ tiền sinh hoạt, T nảy sinh ý định trộm dây đồng của Công ty đem bán lấy tiền tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 12 giờ hàng ngày, lợi dụng lúc các công nhân nghỉ trưa, T đã lén lút vào kho của Công ty lấy trộm các cuộn dây đồng (là nguyên liệu sản xuất của Công ty) bỏ vào bọc nylon. Sau đó, T ra bãi giữ xe dắt xe Honda hiệu Vision, biển số 68E1-362.99 đến dựng ở trước cửa kho rồi lấy bọc ny lon chứa dây đồng đã trộm trước đó bỏ vào cốp xe, xong T dắt xe để ở chỗ giữ xe như cũ. Hết giờ làm, T điều khiển xe 68E1-362.99 đến cơ sở thu mua phế liệu trên đường DH1 thuộc khu phố 7, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương bán cho ông Nguyễn K số dây đồng trộm được với giá 90.000 đồng/kg. Do sợ lấy nhiều sẽ bị phát hiện nên mỗi lần trộm cắp, Tâm chỉ lấy từ 01 kg đến 02 kg đồng và đã thực hiện hành vi nhiều lần.

Ngày 29/6/2020, Công ty M kiểm kê tài sản, phát hiện mất 806,15 kg nguyên liệu đồng sợi, trị giá khoảng 136.609.000 đồng. Công ty kiểm tra camera thì thấy T thường xuyên xuất hiện tại khu vực kho trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 12 giờ từ ngày 25/5/2020 đến ngày 28/6/2020 và mang các túi ny lon ra khỏi Công ty nên đã trình báo Đồn Công an Khu công nghiệp P. Lực lượng Công an tiến hành kiểm tra, xác minh và mời T lên trụ sở làm việc. Tại đây, T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. T khai đã lấy trộm dây đồng đem bán thu lợi được khoảng 2.000.000 đồng. Vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an thị xã C để giải quyết theo thẩm quyền. Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần T;

- Số tiền 46.690.000 đồng;

- 01 (một) xe mô tô Honda hiệu Vision màu xanh nâu, biển số 68E1-362.99 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần T;

- 22,5 kg dây đồng tại tiệm thu mua phế liệu của ông Nguyễn Thế Khoa.

Quá trình điều tra, Nguyễn K khai: K đã nhiều lần mua dây đồng của T với tổng trọng lượng là 22,5kg mà cơ quan điều tra thu giữ, K mua nhưng chưa bán lại. Khi mua dây đồng từ T, K không biết đây là tài sản do T chiếm đoạt được mà có.

Ngày 26/8/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C, kết luận: 22,5kg đồng trị giá 2.025.000 đồng.

Đối với số tiền mặt 46.690.000 đồng thu giữ của Trần T: Đây là tiền cha mẹ T bán đất và cho T.

Ngày 21/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra Quyết định xử lý vật chứng, tiến hành giao trả:

- 22,5kg dây đồng cho bà Phan N là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH M, bà N đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 136.609.000 đồng tương đương với 806,15 kg dây đồng Công ty bị mất.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần T và số tiền mặt 44.665.000 đồng cho Trần T.

- Số tiền 2.025.000 đồng cho ông Nguyễn K.

Bản Cáo trạng số 257/CT-VKSBC ngày 17/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 257/CT-VKS-BC ngày 17/11/2020 đối với bị cáo Trần T về tội: "Trộm cắp tài sản";

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 16 tháng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 136.609.000 đồng tương đương 806,15 kg dây đồng bị mất của bị hại, quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo lấy số lượng dây đồng này nên yêu cầu bồi thường của bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô Honda hiệu Vision màu xanh nâu, biển số 68E1-362.99, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần T.

- Bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo không đồng ý với yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với 806,15 kg dây đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận về tội danh và hình phạt đối với bị cáo, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số lượng dây đồng Công ty bị mất là 806,15 kg tương đương số tiền 136.609.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần T: Bị cáo T không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 5/2020 đến ngày 28/6/2020, tại bộ phận điện cơ của công ty Trách nhiệm hữu hạn M, Trần T đã có hành vi lấy trộm dây đồng của Công ty với tổng khối lượng là 22,5 kg trị giá 2.025.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Bản Cáo trạng số 257/CT-VKSBC ngày 17/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo có cha là ông Trần Văn Việt là người có công với cách mạng đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, làm nhiệm vụ quốc tế trước năm 1975 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Bị cáo Trần T có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

[5] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân của bị cáo nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại số lượng dây đồng là 22,5 kg và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 136.609.000 đồng tương ứng với 806,15 kg đồng. Tuy nhiên kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh bị cáo Tâm thực hiện hành vi chiếm đoạt số lượng dây đồng 806,15 kg nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại.

- Ông Nguyễn K không biết số lượng dây đồng bị cáo bán là tài sản trộm cắp mà có, ông K đã giao trả lại 22,5 kg đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại. Ngày 21/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho ông K số tiền 2.025.000 đồng, ông Khoa không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số 68E1-362.99, kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68E1-362.99 do Công an huyện Q, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/5/2020 là phương tiện bị cáo dùng vào việc vận chuyển tài sản đã trộm cắp nên cần tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí:

- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

- Bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 106, điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a, e khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần T cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 67/2020/HSST-LCCT ngày 17/11/2020 đối với bị cáo Trần T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với 22,5 kg đồng bị cáo chiếm đoạt: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản nên không đặt ra xử lý.

+ Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại đối với số tiền 136.609.000 đồng tương đương với 806,15 kg đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số 68E1-362.99, kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68E1-362.99 do Công an huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp cho Trần T ngày 05/5/2020.

(Vật chứng đã được giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2020).

4. Về án phí:

- Bị cáo Trần T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Công ty M phải chịu 6.830.450 đồng (sáu triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huỳnh

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- CA thị xã Bến Cát;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Huỳnh